Phần mềm quản lý chi tiêu

Vision

Phiên bản <1.0>

[Note: The following template is provided for use with the Rational Unified Process. Text enclosed in square brackets and displayed in blue italics (style=InfoBlue) is included to provide guidance to the author and should be deleted before publishing the document. A paragraph entered following this style will automatically be set to normal (style=Body Text).]

[To customize automatic fields in Microsoft Word (which display a gray background when selected), select File>Properties and replace the Title, Subject and Company fields with the appropriate information for this document. After closing the dialog, automatic fields may be updated throughout the document by selecting Edit>Select All (or Ctrl-A) and pressing F9, or simply click on the field and press F9. This must be done separately for Headers and Footers. Alt-F9 will toggle between displaying the field names and the field contents. See Word help for more information on working with fields.]

Lịch sử tài liệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Tác giả** |
| <dd/mmm/yy> | <x.x> | <details> | <name> |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

1. Introduction <Giới thiệu> 5

1.1 Purpose <Mục đích của tài liệu> 5

1.2 Scope <Phạm vi áp dụng của tài liệu> 5

1.3 Definitions, Acronyms, and Abbreviations <Các định nghĩa, thuật ngữ và từ viết tắt> 5

1.4 References <Tài liệu tham khảo> 5

1.5 Overview <Tổng quan về nội dung trong tài liệu> 5

2. Positioning <Vị trí dự án> 5

2.1 Business Opportunity <Cơ hội kinh doanh> 5

2.2 Problem Statement <Các vấn đề cần giải quyết> 5

2.3 Product Position Statement <Giới thiệu vị trí của dự án> 5

3. Stakeholder and User Descriptions <Các bên liên quan> 6

3.1 Market Demographics <Viễn cảnh thị trường> 6

3.2 Stakeholder Summary <Tóm tắt thông tin các bên liên quan> 6

3.3 User Summary 7

3.4 User Environment 7

3.5 Stakeholder Profiles 7

3.5.1 <Stakeholder Name> 7

3.6 User Profiles 8

3.6.1 <User Name> 8

3.7 Key Stakeholder or User Needs <Các nhu cầu của các bên liên quan> 8

3.8 Alternatives and Competition <Các giải pháp thay thế và đối thủ cạnh tranh> 8

3.8.1 <aCompetitor> 9

3.8.2 <anotherCompetitor> 9

4. Product Overview <Tổng quan sản phẩm> 9

4.1 Product Perspective 9

4.2 Summary of Capabilities 9

4.3 Assumptions and Dependencies <Các giải định và sự phụ thuộc> 9

4.4 Cost and Pricing <Chi phí và giá> 10

4.5 Licensing and Installation <Bản quyền> 10

5. Product Features <Các tính năng của sản phẩm> 10

5.1 <aFeature> 10

5.2 <anotherFeature> 10

6. Constraints <Các ràng buộc> 10

7. Quality Ranges <Ràng buộc phạm vi chất lượng> 10

8. Precedence and Priority <Độ ưu tiêu> 11

9. Other Product Requirements <Yêu cầu khác> 11

9.1 Applicable Standards 11

9.2 System Requirements 11

9.3 Performance Requirements 11

9.4 Environmental Requirements 11

10. Documentation Requirements <Yêu cầu về sưu liệu> 11

10.1 User Manual 11

10.2 Online Help 11

10.3 Installation Guides, Configuration, and Read Me File 11

10.4 Labeling and Packaging 11

A Feature Attributes 11

A.1 Status 12

A.2 Benefit 12

A.3 Effort 12

A.4 Risk 12

A.5 Stability 13

A.6 Target Release 13

A.7 Assigned To 13

A.8 Reason 13

Vision

# 

# Introduction <Giới thiệu>

## Purpose <Mục đích của tài liệu>

* Phát biểu chính xác định nghĩa cái gì, tại sao và ai sẽ mua hay sử dụng sản phẩm cuối cùng từ quan điểm nghiệp vụ
* Giúp:
* Đảm bảo các định nghĩa của sản phẩm tương ứng với các mục đích và mục tiêu nghiệp vụ
* Xác định các stakeholders – Ai sẽ mua hay dùng sản phẩm
* Xác định sản phẩm sẽ làm gì cho các stakeholder của nó?
* Lí do mua hoặc dùng sản phẩm
* Xác định điểm khác biệt của sản phẩm với các sản phẩm khác
* Mô tả trạng thái của nghiệp vụ - điểm mạnh, yếu
* Mô tả các cơ hội và thử thách với nghiệp vụ

## Scope <Phạm vi áp dụng của tài liệu>

Xuyên suốt quá trình phát triển phần mềm quản lý chi tiêu

## Definitions, Acronyms, and Abbreviations <Các định nghĩa, thuật ngữ và từ viết tắt>

Viết tắt:

<M>: **Must have** (Kỹ thuật xác định độ ưu tiên MoSCoW)

<S>: **Should have** (Kỹ thuật xác định độ ưu tiên MoSCoW)

<C>: **Could have** (Kỹ thuật xác định độ ưu tiên MoSCoW)

<W>: **Won’t have** (Kỹ thuật xác định độ ưu tiên MoSCoW)

## References <Tài liệu tham khảo>

* Kỹ thuật xác định độ ưu tiên MoSCoW:

http://www.apexglobal.com.vn/en/ky-thuat-sap-xep-do-uu-tien-moscow/

## Overview <Tổng quan về nội dung trong tài liệu>

[This subsection describes what the rest of the **Vision** document contains and explains how the document is organized.]

<Mục 1.1 và mục lục>

# Positioning <Vị trí dự án>

## Business Opportunity <Cơ hội kinh doanh>

Hầu hết mọi người đều có nhu cầu quản lý chi tiêu theo cách này hay cách khác, hơn nữa ứng dụng được phát triển trên cả pc lẫn mobile, những nền tảng vô cùng phổ cập, hầu như mỗi người đều sở hữu nên đây là thị trường vô cùng tiềm năng với hàng triệu người dùng tương lai

## Problem Statement <Các vấn đề cần giải quyết>

|  |  |
| --- | --- |
| The problem of | Quản lý chi tiêu cá nhân |
| affects | Người dùng phổ thông |
| the impact of which is | Quản lý không tốt hoặc không quản lý dễ dẫn đến tình trạng cháy túi, nợ ngập đầu hay đơn giản là không đủ tiền để đạt được mục tiêu nào đó trong tương lai |
| a successful solution would be | Người dùng biết rõ chi tiết tình trạng chi tiêu của bản thân, dự đoán được mức chi tiêu trong tương lai gần |

## 

|  |  |
| --- | --- |
| The problem of | Quản lý chi tiêu tập thể |
| affects | Người dùng phổ thông |
| the impact of which is | Quản lý không tốt hoặc không quản lý dễ dẫn đến tình trạng tiêu lạm, đền bù thiệt hại nếu sai sót |
| a successful solution would be | Biết được người nào sử dụng khoản chi nào, thời gian, mục đích. Biết rõ được tình trạng ngân quỹ hiện tại |

|  |  |
| --- | --- |
| The problem of | Các lỗi trong quá trình hoạt động, cải tiến phần mềm |
| affects | Người dùng phổ thông, Developer |
| the impact of which is | Nếu không cải tiến phần mềm hoặc sửa chữa được các lỗi kịp thời có thể gây sai sót, khó chịu cho người dùng, đánh mất người dùng, không cạnh tranh được với các sản phẩm khác |
| a successful solution would be | Người dùng có thể báo lỗi, góp ý. Developer nhận được phản hồi, cải tiến, sửa chữa kịp thời nếu phù hợp |

|  |  |
| --- | --- |
| The problem of | Người dùng quên nhập liệu |
| affects | Người dùng phổ thông |
| the impact of which is | Gây thiếu sót khi tổng hợp. Nếu lâu ngày không sử dụng, người dùng có thể quên lãng phần mềm |
| a successful solution would be | Người dùng được báo nhập liệu vào thời điểm nào đó |

|  |  |
| --- | --- |
| The problem of | Đồng bộ hóa dữ liệu, gửi thông tin lên cloud |
| affects | Người dùng phổ thông |
| the impact of which is | Không thể đồng bộ lên sever dẫn đến thiếu tính liên kết giữa các nền tảng, gây khó chịu cho người dùng, mất dữ liệu khi mất máy hay thay máy mới. |
| a successful solution would be | Dữ liệu người dùng được đồng bộ hóa lên cloud |

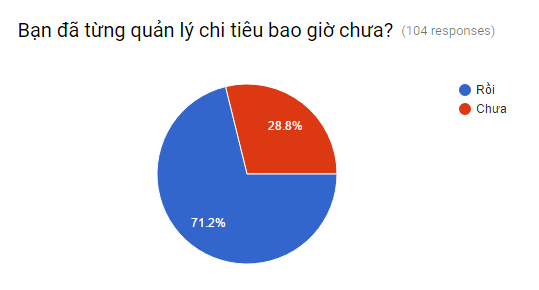
## Product Position Statement <Giới thiệu vị trí của dự án>

|  |  |
| --- | --- |
| For | sinh viên xa nhà |
| Who | muốn kiểm soát chi tiêu của bản thân nhằm tránh tình trạng cháy túi |
| The (product name) | đây là một phần mềm quản lý chi tiêu |
| That | giúp người dùng kiểm soát chi tiêu bản thân hay tập thể theo một cách dễ dàng, trực quan nhất |
| Unlike | các phần mềm trên thị trường hiện nay |
| Our product | nổi bật hơn với chức năng cập nhật giá thị trường, định giá 1 số sản phẩm cố định, cùng với chức năng nhập chi tiêu ước lượng. |

# Stakeholder and User Descriptions <Các bên liên quan>

## Market Demographics <Viễn cảnh thị trường>

Qua quá trình khảo sát, phỏng vấn, có thể thấy nhu cầu quản lý chi tiêu của mọi người rất cao(>70%), tuy nhiên đa số quản lý thông qua sổ sách, chưa hề nghĩ tới việc sử dụng phần mềm chuyên biệt đồng thời số người sử dụng smartphone và PC càng ngày càng cao, đa số mọi người đều sở hữu. Nếu có thể khiến người dùng biết tới, tiềm năng phổ cập rộng rãi là rất lớn

****

## Stakeholder Summary <Tóm tắt thông tin các bên liên quan>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Name** | **Description** | **Responsibilities** |
| Developer | Xây dựng, phát triển và bảo trì phần mềm | * Đảm bảo phần mềm chạy theo yêu cầu đặt ra * Phát triển phần mềm hoàn thiện hơn trong tương lai |
| Người dùng | Người sử dụng phần mềm, tương tác chính với phần mềm | * Tương tác thường xuyên với các chức năng của phần mềm * Góp ý, đánh giá phần mềm * Mục tiêu chính để làm phần mềm |
| Ngân hàng | Bên thứ 3 cần liên kết để hỗ trợ một số chức năng | * Cung cấp thông tin về tiền tệ * Đảm bảo chức năng cập nhật nguồn thu tự động từ tài khoản ngân hàng |

## User Summary

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | **Description** | **Responsibilities** | **Stakeholder** |
| Developer | Xây dựng, phát triển và bảo trì phần mềm | * Thiết kế, đảm bảo phần mềm chạy theo yêu cầu đặt ra * Phát triển phần mềm hoàn thiện hơn trong tương lai | Developer |
| Người dùng | Người sử dụng phần mềm, tương tác chính với phần mềm | * Tương tác thường xuyên với các chức năng của phần mềm * Góp ý, đánh giá phần mềm * Mục tiêu chính để làm phần mềm | Người dùng |
| Ngân hàng | Bên thứ 3 cần liên kết để hỗ trợ một số chức năng | * Cung cấp thông tin về tiền tệ * Đảm bảo chức năng cập nhật nguồn thu tự động từ tài khoản ngân hàng | Ngân hàng |

## User Environment

* Phần mềm quản lý dành cho cá nhân hoặc nhiều người dùng cùng sử dụng
* Có thể sử dụng ở bất kỳ nơi nào với mobile. Sử dụng nơi công sở, nhà với PC
* Cài đặt trên môi trường mobile và PC. Tương lai có thể thiết kế thông qua web

## Stakeholder Profiles

[Describe each stakeholder in the system here by filling in the following table for each stakeholder. Remember that stakeholder types can be as divergent as users, departments, and technical developers. A thorough profile would cover the following topics for each type of stakeholder.]

### Người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | Đại diện cho những người sử dụng phần mềm nhằm quản lý chi tiêu |
| **Description** | Người dùng phổ thông |
| **Type** | Người dùng phổ thông |
| **Responsibilities** | Sử dụng các chức năng liên quan tới quản lý chi tiêu, trải nghiệm và góp ý, báo lỗi |
| **Success Criteria** | Người dùng quản lý được chi tiêu một cách dễ dàng, hiệu quả nhất |
| **Involvement** | Đưa ra yêu cầu chức năng, yêu cầu cải tiến, ý kiến trong quá trình sử dụng, đóng góp kinh phí phát triển qua việc xem quảng cáo nếu có |
| **Deliverables** | Một phần mềm quản lý chi tiêu đơn giản, hiệu quả, trực quan |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

### Developer

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | Đại diện cho đội ngũ phát triển phần mềm |
| **Description** | Những người trực tiếp tạo và cải tiến sửa chữa phần mềm |
| **Type** | Chuyên gia |
| **Responsibilities** | Sử dụng các chức năng liên quan tới tiếp nhận góp ý và sửa lỗi, cải tiến phần mềm |
| **Success Criteria** | Tiếp nhận được các thông tin từ người dùng như mong muốn, các lỗi trong quá trình sử dụng, các thông tin ẩn danh khác từ người dùng |
| **Involvement** | Tiếp nhận, tìm hiểu yêu cầu khách hàng, kiến tạo và cải tiến sản phẩm |
| **Deliverables** | Phần mềm có với các chức năng quản lý chi tiêu, gửi thông tin ẩn danh |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

### Ngân hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | Đại diện cho hệ thống thuộc các ngân hàng cung cấp thông tin về số dư tài khoản của người dùng |
| **Description** | Hệ thống gửi thông tin liên quan tới số dư trong tài khoản người dùng |
| **Type** | Hệ thống tự động |
| **Responsibilities** | Gửi thông tin thông tin liên quan tới số dư trong tài khoản người dùng tới ứng dụng |
| **Success Criteria** | Gửi các thay đổi liên quan tới số dư trong tài khoản tới ứng dụng của khách hàng làm số liệu nhập xuất |
| **Involvement** | Gửi các thay đổi liên quan tới số dư trong tài khoản tới ứng dụng của khách hàng làm số liệu nhập xuất |
| **Deliverables** | không |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

## User Profiles

### Người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | StakeHolder: Người dùng |
| **Description** | Người sử dụng phần mềm, tương tác chính với phần mềm |
| **Type** | Người dùng phổ thông |
| **Responsibilities** | [List the user’s key responsibilities with regard to the system being developed— that is, captures details, produces reports, coordinates work, and so forth.] |
| **Success Criteria** | [How does the user define success?  How is the user rewarded?] |
| **Involvement** | [How is the user involved in the project? Relate where possible to Rational Unified Process roles—that is, Requirements Reviewer, and so on.] |
| **Deliverables** | [Are there any deliverables the user produces and, if so, for whom?] |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here. These would include trends that make the user’s job easier or harder.] |

### Người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | StakeHolder: Người dùng |
| **Description** | Người dùng phổ thông |
| **Type** | Người dùng phổ thông |
| **Responsibilities** | Sử dụng các chức năng liên quan tới quản lý chi tiêu, trải nghiệm và góp ý, báo lỗi |
| **Success Criteria** | Người dùng quản lý được chi tiêu một cách dễ dàng, hiệu quả nhất |
| **Involvement** | Đưa ra yêu cầu chức năng, yêu cầu cải tiến, ý kiến trong quá trình sử dụng, đóng góp kinh phí phát triển qua việc xem quảng cáo nếu có |
| **Deliverables** | Một phần mềm quản lý chi tiêu đơn giản, hiệu quả, trực quan |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

### Developer

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | StakeHolder: Developer |
| **Description** | Những người trực tiếp tạo và cải tiến sửa chữa phần mềm |
| **Type** | Chuyên gia |
| **Responsibilities** | Sử dụng các chức năng liên quan tới tiếp nhận góp ý và sửa lỗi, cải tiến phần mềm |
| **Success Criteria** | Tiếp nhận được các thông tin từ người dùng như mong muốn, các lỗi trong quá trình sử dụng, các thông tin ẩn danh khác từ người dùng |
| **Involvement** | Tiếp nhận, tìm hiểu yêu cầu khách hàng, kiến tạo và cải tiến sản phẩm |
| **Deliverables** | Phần mềm có với các chức năng quản lý chi tiêu, gửi thông tin ẩn danh |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

### Ngân hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Representative** | StakeHolder: Ngân hàng |
| **Description** | Hệ thống gửi thông tin liên quan tới số dư trong tài khoản người dùng |
| **Type** | Hệ thống tự động |
| **Responsibilities** | Gửi thông tin thông tin liên quan tới số dư trong tài khoản người dùng tới ứng dụng |
| **Success Criteria** | Gửi các thay đổi liên quan tới số dư trong tài khoản tới ứng dụng của khách hàng làm số liệu nhập xuất |
| **Involvement** | Gửi các thay đổi liên quan tới số dư trong tài khoản tới ứng dụng của khách hàng làm số liệu nhập xuất |
| **Deliverables** | không |
| **Comments / Issues** | [Problems that interfere with success and any other relevant information go here.] |

## Key Stakeholder or User Needs <Các nhu cầu của các bên liên quan>

[List the key problems with existing solutions as perceived by the stakeholder or user. Clarify the following issues for each problem:

• What are the reasons for this problem?

• How is it solved now?

• What solutions does the stakeholder or user want?]

[It is important to understand the **relative** importance the stakeholder or user places on solving each problem. Ranking and cumulative voting techniques indicate problems that **must** be solved versus issues they would like addressed.

Fill in the following table—if using Rational RequisitePro to capture the Needs, this could be an extract or report from that tool.]

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Need** | **Priority** | **Concerns** | **Current Solution** | **Proposed Solutions** |
|  |  |  |  |  |

## Alternatives and Competition <Các giải pháp thay thế và đối thủ cạnh tranh>

[Identify alternatives the stakeholder perceives as available. These can include buying a competitor’s product, building a homegrown solution or simply maintaining the status quo. List any known competitive choices that exist or may become available. Include the major strengths and weaknesses of each competitor as perceived by the stakeholder or end user.]

### Money Lover

### Money Keeper

### Finance Manager

### Thu chi cá nhân TTH

### My Budget Book

# Product Overview <Tổng quan sản phẩm>

## Product Perspective

[This subsection of the **Vision** document puts the product in perspective to other related products and the user’s environment. If the product is independent and totally self-contained, state it here. If the product is a component of a larger system, then this subsection needs to relate how these systems interact and needs to identify the relevant interfaces between the systems. One easy way to display the major components of the larger system, interconnections, and external interfaces is with a block diagram.]

* Phần mềm có liên kết với các ngân hàng để cập nhật thông tin tài khoản, tiền gửi của người dùng

## Summary of Capabilities

|  |  |
| --- | --- |
| **Customer Benefit** | **Supporting Features** |
| Người dùng có thể thích nghi nhanh chóng với sản phẩm | Giao diện trực quan, dễ sử dụng, có hướng dẫn sử dụng cho người dùng mới |
| Ghi chép, thống kê chi tiêu nhanh chóng, dễ dàng, trực quan | Bảng nhập liệu đơn giản, thống kê qua biểu đồ, chi tiết lịch sử chi tiêu |
| Tạo thói quen quản lý chi tiêu thường xuyên | Nhắc nhở nhập liệu, quá trình nhập đơn giản, nhanh chóng |
| Hỗ trợ người dùng các nước khác | Đa ngôn ngữ |
| Giúp người dùng điều chỉnh chi tiêu hợp lý | Thiết đặt hạn mức chi, cảnh báo sắp quá định mức |

## 

## Assumptions and Dependencies <Các giải định và sự phụ thuộc>

* Nếu việc liên kết các ngân hàng gặp nhiều khó khăn về thủ tục, giá, độ phức tạp khi thiết kế dẫn tới loại bỏ chức năng tương ứng, TẤT CẢ các tài liệu cần được chỉnh sửa lại

## 

## Cost and Pricing <Chi phí và giá>

* **Chi phí phát sinh dự kiến gồm các khoản:**
  + - Chi phí marketing, SEO,…
    - Chi phí đưa ứng dụng lên các store
    - Chi phí tiến hành liên kết dịch vụ ngân hàng
    - Chi phí cho người khảo sát giá cả thị trường
    - Chi phí thiết kế, design UX-UI
    - Chi phí server
  + **Giá thành dự kiến của sản phẩm**
* Miễn phí tới người dùng
* Sẵn sàng từ bỏ lợi nhuận từ quảng cáo để tăng trải nghiệm của người dùng

## Licensing and Installation <Bản quyền>

* Cloud sever (Azure, Amazone, …)

# Product Features <Các tính năng của sản phẩm>

## Quản lý chi tiêu hằng ngày: ghi lại về chi tiêu gì, số tiền, ghi chú <M>

## Dựa trên chi tiêu tuần tính toán ước lượng về chi tiêu tháng <S>

## Thống kê chi tiêu hàng ngày, tháng, năm <S>

## Đặt mục tiêu chi tiêu, nhắc nhỡ nếu mức chi tiêu thực tế vượt so với dự kiến, cho một số lời khuyên <C>

## Nhập số tiền hiện có, ATM, số tiền cho mượn (người mượn, ngày mượn), nhập số tiền đang nợ, nhập thu nhập (nếu có). <M>

## Cho phép tạo mới/đóng sổ chi tiêu (để quan lý chi tiêu cá nhân, hoặc thêm chi tiêu của một người khác nữa, hoặc quản lý chi tiêu của nhóm trên vai trò thủ quỹ) <S>

## Tính toán số dư hiện tại. <M>

## Về lập kế hoạch:

## Note lại với giao diện như excel <W>

## Lên kế hoạch có thời gian timetable <W>

## Nhắc nhập bằng chuông, popup vào thời điểm tùy chọn. <S>

## Đánh dấu lại các mục đã làm được, báo cáo các mục chưa làm được, nhắc nhỡ các hoạt động sắp đến (hoặc hoạt động được cài để báo) <W>

## Hiện một vài câu nói, lời khen hoặc nhắc nhỡ <W>

## Có mục tự đánh giá bản thân trong ngày được bao nhiêu điểm, tự ghi lại nhận xét của mình, dựa trên điểm hằng ngày <W>

## Đến cuối tháng thống kê điểm của tháng dựa trên điểm đó cho lời khen, hoặc lời khuyên động lực <W>

## Có mục tự đặt ra phần thưởng nếu hoàn thành được công việc đó <W>

## Liên kết với ngân hàng <C>

## Đồng bộ với Cloud <C>

## Chuyển đổi tiền tệ <C>

## Cung cấp giá thị trường một số sản phẩm ( giá xăng, giá vàng, thực phẩm…) <W>

## Đánh giá, nhận xét, báo lỗi phần mềm <M>

## Hướng dẫn sử dụng <S>

## Tra cứu lịch sử thu chi theo ngày, tháng, năm <S>

## Đặt mục tiêu tiết kiệm cho dự định tương lai <C>

## Tạo tài khoản khi sử dụng phần mềm <C>

## Tạo một sổ có thể cho nhiều người quản lí (yêu cầu tài khoản) <C>

## Lưu nhật ký chỉnh sửa cho mỗi sổ <C>

## Tự động cập nhật các khoản thu chi cố định ( tiền lương, học phí, tiền nhà,…) <S>

## Các chức năng ẩn: theo dõi dữ liệu nặc danh, thống kê… để cải tiến phần mềm <C>

## Đa ngôn ngữ <C>

# Constraints <Các ràng buộc>

* Icon vui mắt
* Ít chữ
* Giao diện thân thiện, đơn giản, dễ sử dụng, hình ảnh rõ ràng

# Quality Ranges <Ràng buộc phạm vi chất lượng>

* Bảo đảm tính chính xác.
* Tính bảo mật cao: mỗi sổ chi tiêu là một tên đăng nhập và mật khẩu riêng, với mật khẩu đã được mã hóa.

# Precedence and Priority <Độ ưu tiêu>

## Quản lý chi tiêu hằng ngày: ghi lại về chi tiêu gì, số tiền, ghi chú <M>

## Dựa trên chi tiêu tuần tính toán ước lượng về chi tiêu tháng <S>

## Thống kê chi tiêu hàng ngày, tháng, năm <S>

## Đặt mục tiêu chi tiêu, nhắc nhỡ nếu mức chi tiêu thực tế vượt so với dự kiến, cho một số lời khuyên <C>

## Nhập số tiền hiện có, ATM, số tiền cho mượn (người mượn, ngày mượn), nhập số tiền đang nợ, nhập thu nhập (nếu có). <M>

## Cho phép tạo mới/đóng sổ chi tiêu (để quan lý chi tiêu cá nhân, hoặc thêm chi tiêu của một người khác nữa, hoặc quản lý chi tiêu của nhóm trên vai trò thủ quỹ) <S>

## Tính toán số dư hiện tại. <M>

## Về lập kế hoạch:

### Note lại với giao diện như excel <W>

### Lên kế hoạch có thời gian timetable <W>

### Nhắc nhập bằng chuông, popup vào thời điểm tùy chọn. <S>

### Đánh dấu lại các mục đã làm được, báo cáo các mục chưa làm được, nhắc nhỡ các hoạt động sắp đến (hoặc hoạt động được cài để báo) <W>

### Hiện một vài câu nói, lời khen hoặc nhắc nhỡ <W>

### Có mục tự đánh giá bản thân trong ngày được bao nhiêu điểm, tự ghi lại nhận xét của mình, dựa trên điểm hằng ngày <W>

### Đến cuối tháng thống kê điểm của tháng dựa trên điểm đó cho lời khen, hoặc lời khuyên động lực <W>

### Có mục tự đặt ra phần thưởng nếu hoàn thành được công việc đó <W>

## Liên kết với ngân hàng <C>

## Đồng bộ với Cloud <C>

## Chuyển đổi tiền tệ <C>

## Cung cấp giá thị trường một số sản phẩm ( giá xăng, giá vàng, thực phẩm…) <W>

## Đánh giá, nhận xét, báo lỗi phần mềm <M>

## Hướng dẫn sử dụng <S>

## Tra cứu lịch sử thu chi theo ngày, tháng, năm <S>

## Đặt mục tiêu tiết kiệm cho dự định tương lai <C>

## Tạo tài khoản khi sử dụng phần mềm <C>

## Tạo một sổ có thể cho nhiều người quản lí (yêu cầu tài khoản) <C>

## Lưu nhật ký chỉnh sửa cho mỗi sổ <C>

## Tự động cập nhật các khoản thu chi cố định ( tiền lương, học phí, tiền nhà,…) <S>

## Các chức năng ẩn: theo dõi dữ liệu nặc danh, thống kê… để cải tiến phần mềm <C>

## Đa ngôn ngữ <C>

# Other Product Requirements <Yêu cầu khác>

## Applicable Standards

[List all standards with which the product must comply. These can include legal and regulatory (FDA, UCC) communications standards (TCP/IP, ISDN), platform compliance standards (Windows, UNIX, and so on), and quality and safety standards (UL, ISO, CMM).]

* Giao thức kết nối tới sever: TCP/IP

## System Requirements

* Với môi trường Android: phiên bản yêu cầu > 3.5
* Hệ thống đám mây để đồng bộ, thu thập dữ liệu (Azure, Amazone, …)

## Performance Requirements

* Phản hồi nhanh từ hệ thống: chức năng tương tác với người dùng luôn đáp ứng phản hồi trong vòng 0.5 - 2s.

## Environmental Requirements

<Không có yêu cầu>

# Documentation Requirements <Yêu cầu về sưu liệu>

<Cập nhật sau>

## User Manual

<Tích hợp sẵn, hiển thị lần đầu khi sử dụng phần mềm>

## Online Help

* Fanpage trên facebook (tạo sau khi hoàn thành sản phẩm)

## Installation Guides, Configuration, and Read Me File

<Bỏ qua>

## Labeling and Packaging

[Today's state-of-the-art applications provide a consistent look and feel that begins with product packaging and manifests through installation menus, splash screens, help systems, GUI dialogs, and so on. This section defines the needs and types of labeling to be incorporated into the code. Examples include copyright and patent notices, corporate logos, standardized icons and other graphic elements, and so forth.]

<Cập nhật sau>

# A Feature Attributes

## 

## A.1 Status <Cập nhật sau>

[Set after negotiation and review by the project management team. Tracks progress during definition of the project baseline.]

|  |  |
| --- | --- |
| Proposed | [Used to describe features that are under discussion but have not yet been reviewed and accepted by the "official channel," such as a working group consisting of representatives from the project team, product management, and user or customer community.] |
| Approved | [Capabilities that are deemed useful and feasible, and have been approved for implementation by the official channel.] |
| Incorporated | [Features incorporated into the product baseline at a specific point in time.] |

## A.2 Benefit <Độ ưu tiên cho các yêu cầu do team marketing, PM, BA viết>

[Set by Marketing, the product manager or the business analyst. All requirements are not created equal. Ranking requirements by their relative benefit to the end user opens a dialog with customers, analysts, and members of the development team. Used in managing scope and determining development priority.]

|  |  |
| --- | --- |
| Critical | [Essential features. Failure to implement means the system will not meet customer needs. All critical features must be implemented in the release or the schedule will slip.] |
| Important | [Features important to the effectiveness and efficiency of the system for most applications. The functionality cannot be easily provided in some other way. Lack of inclusion of an important feature may affect customer or user satisfaction, or even revenue, but release will not be delayed due to lack of any important feature.] |
| Useful | [Features that are useful in less typical applications will be used less frequently or for which reasonably efficient workarounds can be achieved. No significant revenue or customer satisfaction impact can be expected if such an item is not included in a release.] |

## A.3 Effort

[Set by the development team. Because some features require more time and resources than others, estimating the number of team or person-weeks, lines of code required or function points, for example, is the best way to gauge complexity and set expectations of what can and cannot be accomplished in a given time frame. Used in managing scope and determining development priority.]

## A.4 Risk

[Set by development team based on the probability the project will experience undesirable events, such as cost overruns, schedule delays or even cancellation. Most project managers find categorizing risks, as high, medium, and low, is sufficient, although finer gradations are possible. Risk can often be indirectly assessed by measuring the uncertainty (range) of the projects team’s schedule estimate.]

* Nếu như sản phẩm không hoàn thiện, không được người dùng ủng hộ thì công sức bỏ ra sẽ lãng phí(code, thu thập, khảo sát, họp hành, …)
* Ước lượng độ khó chức năng quá cao, không thể hoàn thành

## A.5 Stability

[Set by the analyst and development team, this is based on the probability that features will change or the team’s understanding of the feature will change. Used to help establish development priorities and determine those items for which additional elicitation is the appropriate next action.]

## A.6 Target Release

[Records the intended product version in which the feature will first appear. This field can be used to allocate features from a **Vision** document into a particular baseline release. When combined with the status field, your team can propose, record, and discuss various features of the release without committing them to development. Only features whose Status is set to Incorporated and whose Target Release is defined will be implemented. When scope management occurs, the Target Release Version Number can be increased so the item will remain in the **Vision** document but will be scheduled for a later release.]

## A.7 Assigned To

[In many projects, features will be assigned to "feature teams" responsible for further elicitation, writing the software requirements, and implementation. This simple pull-down list will help everyone on the project team to understand responsibilities better.]

## A.8 Reason

[This text field is used to track the source of the requested feature. Requirements exist for specific reasons. This field records an explanation or a reference to an explanation. For example, the reference might be to a page and line number of a product requirement specification or to a minute marker on a video of an important customer review.]